

MỤC LỤC - CONTENTS

- 3 Phạm Thị Hương Lý:** Ứng dụng công nghệ thực tế ảo trong mô phỏng phương pháp sắc ký lớp mỏng phục vụ dạy và học tại Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội – Application of virtual reality technology to simulate thin-layer chromatography for teaching and learning at Hanoi Medical College.
- 7 Trần Văn Nam:** Quan niệm về hạnh phúc trong đạo đức học Mác-Lênin và ý nghĩa đối với sinh viên tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Đại học Thái Nguyên – The concept of happiness in Marxist-Leninist ethics and its significance for students at the Center for National Defense and Security Education, Thai Nguyen University.
- 12 Lê Anh Đào:** Đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hải Phòng đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn 2025–2030 – Renewing the operational methods of the Vietnam Fatherland Front in Hai Phong to meet development requirements for 2025–2030.
- 18 Nguyễn Công Thủy Trâm – Hầu Thị Mỹ Duyên:** Sử dụng hình ảnh 3D trong dạy học chủ đề “Sinh học cơ thể người” Khoa học tự nhiên lớp 8 theo hướng phát triển năng lực nhận thức khoa học tự nhiên cho học sinh – Using 3D images to teach the “Human Biology” topic in Grade 8 Natural Science to develop students’ natural science cognitive competence.
- 24 Nguyễn Văn Hào:** Hiệu quả ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong soạn giáo án và thiết kế bài giảng của giáo viên mầm non sau tập huấn – Perceived effectiveness of artificial intelligence in lesson planning and instructional design among preschool teachers after professional training.
- 32 Dương Kim Thế Nguyên:** Mô hình bổ nhiệm giáo sư trong giáo dục đại học: Kinh nghiệm quốc tế và yêu cầu hoàn thiện pháp luật Việt Nam - Transformation of professorship models in higher education: International experiences and implications for reforming higher education law in Vietnam.
- 39 Nguyễn Thanh Hưng - Lê Văn Hùng:** Vận dụng kĩ thuật dạy học phòng tranh thông qua giảng dạy Hình trụ ở Toán 9 - Applying the Gallery Walk teaching technique to the teaching of Cylinders in Grade 9 Mathematics.
- 45 Nguyễn Mai Khánh Ngọc - Mai Hồng Đào:** Nhận thức của phụ huynh về rối loạn lo âu ở học sinh trung học phổ thông - Parental awareness of anxiety disorders among high school students.
- 51 Lê Thị Cẩm Lệ:** Bồi dưỡng năng lực thiết kế kế hoạch bài dạy nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học cho sinh viên sư phạm ngành Giáo dục tiểu học tại Trường Đại học Tây Nguyên - Fostering lesson plan design competence for developing learners’ qualities and competencies among Primary Education students at Tay Nguyen University.
- 58 Phạm Minh Tuấn:** Nâng cao năng lực số cho cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục - Enhancing digital competence for education managers to meet the requirements of educational innovation.
- 63 Nguyễn Thị Thu Hiền - Nguyễn Trọng Đại:** Chuyển đổi số trong quản trị hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong: Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học Hải Phòng - Digital transformation in internal quality assurance governance: A case study of Hai Phong University.
- 69 Trịnh Thanh Hoa - Nguyễn Thị Anh Vân:** Thực trạng kỹ năng tổ chức hoạt động thí nghiệm cho trẻ 5-6 tuổi của giáo viên ở một số trường mầm non trên địa bàn phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk - The current status of teachers’ skills in organizing experimental activities for 5-6-year-old children in selected preschools in Buon Ma Thuot Ward, Dak Lak Province.
- 76 Nguyễn Thị Thu Hương:** Vai trò của cộng đồng học tập chuyên môn trong giám sát hoạt động dạy học của giáo viên tại trường tiểu học – The role of professional learning communities in supervising primary school teachers’ instructional practices.
- 82 Nguyễn Mộc Giao - Nguyễn Thuận Quý - Nguyễn Thụy Ngọc Đức:** Phát huy vai trò của giáo dục gia đình trong hỗ trợ phát triển trẻ rối loạn phổ tự kỷ tại nhà - Promoting the role of family education in supporting the development of children with autism spectrum disorder at home.
- 89 Nguyễn Thị Biên:** Thiết lập cơ chế phối hợp liên kết “nhà trường - gia đình - doanh nghiệp” nhằm huy động và quản trị hiệu quả nguồn lực xã hội trong tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tại trường trung học cơ sở tư thục Thành phố Hà Nội – Establishing a school-family-enterprise coordination mechanism to mobilize and govern social resources in organizing experiential and career-orientation activities at private lower secondary schools in Hanoi.
- 96 Nguyễn Thành Luân:** Một số kỹ thuật tiếp cận người đuối nước trong giảng dạy nội dung bơi cứu đuối cho học viên Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I - Some techniques for approaching drowning victims in teaching rescue swimming to students at the People’s Security College I.
- 101 Nguyễn Thùy Linh – Đinh Đức Hợi:** Năng lực giao tiếp và hợp tác của học sinh trung học cơ sở Thành phố Hà Nội – Communication and collaboration competencies among lower secondary school students in Hanoi.
- 108 Nguyễn Thị Châu:** Vai trò của khối kiến thức Khoa học Xã hội và Nhân văn trong đào tạo sinh viên khối kỹ thuật tại Đại học Bách khoa Hà Nội – The role of social sciences and humanities knowledge in educating Engineering students at Hanoi University of Science and Technology.
- 114 Hoàng Thị Kim Dung:** Minh họa sách Truyện Kiều - Nguyễn Du: Sự tiếp biến từ di sản đến đồ họa công nghệ số – Book illustration of Nguyen Du’s Truyen Kieu: The transculturation from heritage to digital graphics.
- 120 Nguyễn Thanh Hưng – Lê Thị Ngọc Hà:** Ứng dụng trí tuệ nhân tạo để thiết kế trò chơi học tập trong dạy học chủ đề Số thập phân lớp 5 – Using artificial intelligence to design educational games for teaching decimals in Grade 5.
- 126 Lương Ngọc Thúy:** Tiếp cận và sử dụng mạng xã hội của người cao tuổi trong bối cảnh chuyển đổi số: Tổng quan nghiên cứu trong và ngoài nước – Access to and use of social media among older adults in the context of digital transformation: A review of Vietnamese and international research.
- 131 Nguyễn Thị Lạng:** Biến đổi tri thức địa phương trong sản xuất nông nghiệp của người Mạ tại tỉnh Lâm Đồng - Transformation of local knowledge in agricultural production among the Ma people in Lam Dong Province.
- 136 Huỳnh Thị Liên - Trần Thị Ngọc Y - Nguyễn Hiếu Thuận - Phạm Thiệt Khả:** Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp trong vận hành chính quyền địa phương hai cấp - Thực trạng và giải pháp - Improving the quality of cadres and civil servants in Cao Lanh Ward, Dong Thap Province, under the two-tier local government model: Current situation and solutions.
- 143 Nguyễn Thị Thanh Huyền:** Cuộc sống tốt đẹp của người cao tuổi dưới góc độ hài lòng với cuộc sống: Điểm luận tài liệu - The good life of older adults from the perspective of life satisfaction: A literature review.
- 149 Phan Đức Nam:** Thái độ của người dân nông thôn đối với bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới nâng cao - Thực trạng và giải pháp - Rural residents’ attitudes toward environmental protection in advanced new rural development: Current situation and solutions.

- 156 Nguyễn Thị Xuân:** Quyền quyết định về giáo dục con cái trong gia đình phụ nữ dân tộc thiểu số hiện nay - Women's decision-making rights regarding children's education in ethnic minority families today.
- 161 Phan Thị Kim Liên:** Tổng quan nghiên cứu về vai trò của năng lực cảm xúc - xã hội đối với sinh viên đại học - A review of the role of social and emotional competence among university students.
- 167 Lê Văn Tuyền:** Truyền giáo Tin Lành cho người nghiện ma túy: Trường hợp Trung tâm Giải cứu Aquila ở Hà Nội - Evangelization among people with drug addiction: The case of the Aquila Rescue Center in Hanoi.
- 172 Dương Trần Minh Đoàn - Nguyễn Văn Tường:** Sự cô đơn cảm xúc và sự chuyển dịch quan niệm về hạnh phúc ở người trung niên trong bối cảnh văn hóa Việt Nam: Tiếp cận từ lý thuyết chọn lọc cảm xúc xã hội - Emotional loneliness and shifting conceptions of happiness among middle-aged adults in the Vietnamese cultural context: A socioemotional selectivity theory approach.
- 178 Nguyễn Văn Tường - Nguyễn Thị Phương:** Mối liên hệ giữa năng lực sức khỏe tâm thần và mức độ thực hiện công việc ngoài giờ hành chính của người lao động Gen Z: Tổng quan mô tả - The relationship between mental health literacy and after-hours work behavior among Generation Z employees: A descriptive review.
- 185 Vũ Thị Nga:** Các nhà khoa bảng Nho học Nam Bộ với nhiệm vụ quốc phòng và an ninh của Vương triều Nguyễn (1802-1884) - Southern Confucian scholar-officials and the defense and security responsibilities of the Nguyen Dynasty (1802-1884).
- 192 Hoàng Văn Cường:** Tư tưởng nhân nghĩa trong thơ chữ Hán Nguyễn Trãi: Cội nguồn và biểu hiện - Benevolence and righteousness in Nguyen Trãi's Classical Chinese poetry: Origins and manifestations.
- 198 Bùi Võ Trung Kiên:** Tìm hiểu quan niệm về sự dối trá thời Phục hưng thông qua Quân vương (Niccolò Machiavelli) và Tiểu luận (Michel de Montaigne) - Exploring the concept of deception in the Renaissance through Niccolò Machiavelli's The Prince and Michel de Montaigne's Essays.
- 204 Lê Thanh Duy - Phạm Hoàng Lâm:** Điển cố như một hình thức liên văn bản trong thơ đi sứ của Nguyễn Du - Classical allusions as a form of intertextuality in Nguyen Du's diplomatic mission poetry.
- 209 Nguyen Hien Thanh:** The representation of multiple intelligences in the Voices textbook: A content analysis of Units 5-10.
- 219 Trần Thu Thủy:** Đề ngữ tiếng Việt trong tổ chức thông tin của mệnh đề dưới góc nhìn ngữ pháp chức năng hệ thống - The Vietnamese Theme in the information organization of the clause from the perspective of Systemic Functional Grammar.
- 225 Trần Thu Thủy - Nguyễn Thị Châu - Trần Thị Hồng:** Đề ngữ tiếng Việt trong giảng dạy ngôn ngữ đối chiếu: Tiếp cận từ ngữ pháp chức năng hệ thống - The Vietnamese Theme in contrastive language teaching: A Systemic Functional Grammar approach.
- 230 Souliya Sengvong:** Di tích lịch sử - văn hóa ở huyện Saysettha (Thủ đô Viêng Chăn, Lào) gắn với nghi lễ truyền thống và công tác bảo tồn - Historical and cultural heritage sites in Saysettha District, Vientiane Capital, Lao PDR, in relation to traditional rituals and heritage conservation.
- 235 Nguyễn Ngọc Hoan:** Phát huy giá trị di sản tư liệu báo chí thuộc sở hữu tư nhân trong bối cảnh hiện nay (nghiên cứu trường hợp bộ sưu tập của nhà sưu tầm Nguyễn Phi Dũng tại Ninh Bình) - Enhancing the value of documentary heritage of privately-owned press in the current context (A case study of collector Nguyen Phi Dung's collection in Ninh Binh province).
- 241 Ma Thị Thanh Hiếu:** Đạo luật Chips của Liên minh châu Âu và một số hàm ý chính sách cho Việt Nam - The European Union Chips Act and policy implications for Vietnam.
- 248 Nguyễn Thị Phương Linh:** Nâng cao hiệu quả thực hiện kiến nghị sau giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn hiện nay - Enhancing the implementation of post-supervision recommendations by the Vietnam Fatherland Front.
- 254 Huỳnh Anh:** Trách nhiệm liên đới của vợ chồng trong quan hệ với người thứ ba: Từ quy định của pháp luật đến thực tiễn xét xử - Joint and several liability of spouses in relation to third parties: From legal provisions to judicial practice.
- 260 Hoàng Thị Hạnh Nguyễn - Nguyễn Tấn Khoa - Từ Bình Khang - Trần Khánh Ngân:** Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với nền tảng trí tuệ nhân tạo: Tham chiếu khung chính sách quản trị rủi ro AI của Singapore và kinh nghiệm cho Việt Nam - Regulatory sandboxes for artificial intelligence platforms: Insights from Singapore's AI risk-governance framework and lessons for Vietnam.
- 267 Lê Hoàng Diệu Hằng:** Công tác giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm dân sự trong bối cảnh sắp xếp, tinh gọn hệ thống Tòa án nhân dân - Thực trạng và giải pháp - Resolution of civil cassation petitions in the context of streamlining and consolidating the People's Court system: Current situation and solutions.
- 272 Vũ Thị Lệ Thu - Nguyễn Đoàn Kim Thoại:** Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về người được ủy quyền từ kinh nghiệm quốc tế và học thuyết đại diện - Improving Vietnamese law on authorized representatives through international experience and agency theory.
- 278 Ngô Thùy Dung:** Tác phẩm có sử dụng trí tuệ nhân tạo và trách nhiệm pháp lý trong quá trình tạo lập, khai thác tác phẩm - AI-assisted works and legal liability in their creation and exploitation.
- 284 Ngô Trọng Quân:** Đào tạo thạc sĩ ngành Luật thương mại quốc tế ở Anh Quốc và kinh nghiệm cho Việt Nam - Master's programs in International Trade and Business Law in the United Kingdom and experience for Vietnam.
- 290 Lê Thị Thúy Kiều - Nguyễn Thanh Huy:** Bảo đảm quyền con người trong quá trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động xét xử tại Việt Nam - Ensuring human rights in the application of artificial intelligence to adjudication in Vietnam.
- 296 Trần Hữu Tiến - Huỳnh Trung Hậu:** Hoàn thiện pháp luật phòng, chống tham nhũng trên cơ sở quản trị yêu cầu kiểm soát quyền lực theo tinh thần Nghị quyết số 04-NQ/TW - Improving anti-corruption legislation in accordance with the power-control requirements of Resolution No. 04-NQ/TW.
- 301 Vàng Seo Cháng - Nguyễn Hoàng Việt - Bùi Thị Thanh Hoa:** Hoàn thiện pháp luật về hòa giải yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn - Improving the law on mediation in requests for recognition of divorce by mutual consent, child custody agreements, and property division upon divorce.
- 306 Hoàng Thị Khánh Hoàn:** Tái hình sự hóa hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ở Việt Nam dưới góc nhìn chính sách hình sự: Nghiên cứu từ Điều 256a Bộ luật Hình sự - Recriminalization of unlawful drug use in Vietnam from a criminal policy perspective: A study of Article 256a of the Penal Code.
- 311 Đào Đình Thường:** Một trăm năm Đạo Cao Đài đồng hành cùng văn hóa dân tộc - One hundred years of Caodaism accompanying Vietnamese national culture.
- 317 Nguyễn Thị Trang:** Phật giáo đồng hành cùng dân tộc: Những đóng góp của Phật giáo trong củng cố đồng thuận xã hội ở Việt Nam hiện nay - Buddhism alongside the nation: Contributions of Vietnamese Buddhism to strengthening social consensus in contemporary Vietnam.
- 323 Trần Huy Quang:** Một số giải pháp về đào tạo doanh nhân Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế số hiện nay - Some solutions for training Vietnamese entrepreneurs in the context of the current digital economy.
- 330 Đặng Nguyên Thơ - Vương Trọng Đức:** Ý nghĩa biểu tượng tác phẩm "The Lovers" của Marina Abramović và Ulay trong bối cảnh nghệ thuật đương đại - The symbolic significance of Marina Abramović and Ulay's The Lovers in contemporary art.

TƯ TƯỞNG NHÂN NGHĨA TRONG THƠ CHỮ HÁN NGUYỄN TRÃI: CỘI NGUỒN VÀ BIỂU HIỆN

HOÀNG VĂN CƯỜNG
Trường Đại học Văn Hiến

Nhận bài ngày 06/6/2026. Sửa chữa xong 10/7/2026. Duyệt đăng 12/7/2026.

Abstract

Nguyen Trai was a major figure in medieval Vietnamese literature and an influential thinker, politician, military strategist, and cultural figure in national history. This article examines the thought of humanity and righteousness in his Chinese-language poetry from two perspectives: its origins and its aesthetic and ideological expressions. Rather than remaining solely a Confucian moral concept, this thought was transformed in the Vietnamese context into a commitment to bringing peace to the people, caring for and protecting them, regarding them as the foundation of the nation, and establishing lasting peace through civil governance. Based on *Uc Trai thi tap*, the article further explores how this people-centered ideal connects patriotism, loyalty, filial piety, concern for the people, and Nguyen Trai's commitment to public service.

Keywords: Nguyen Trai, humanity and righteousness, bringing peace to the people, *Uc Trai thi tap*, Dai Viet Confucianism.

1. Đặt vấn đề

Nguyễn Trãi là ngôi sao Khuê sáng lấp lánh trên bầu trời văn học trung đại Việt Nam, tiên sinh là một hiện tượng hiếm thấy của sự kết tinh giữa tài năng chính trị, bản lĩnh văn hóa và năng lực sáng tạo nghệ thuật. Tiên sinh đã để lại cho hậu thế nhiều tác phẩm rất có giá trị về mặt nội dung và nghệ thuật, *Uc Trai thi tập* là một trong các tác phẩm đó. Nhân kỷ niệm 600 năm ngày sinh của Tiên sinh, UNESCO đã vinh danh ông, điều đó góp phần khẳng định tầm vóc vượt biên giới quốc gia của di sản ấy. Đồng thời, một trong những giá trị còn mãi với thời gian trong thơ chữ Hán của ông chính là tư tưởng nhân nghĩa gắn liền với Đại Việt. Trong *Bình Ngô đại cáo* (平吳大告), tiên sinh đề ra một mệnh đề có tính cương lĩnh: “*nhân nghĩa chi cử, yếu tại an dân* 仁義之舉，要在安民” việc nhân nghĩa cốt ở yên dân” còn trong thơ, tư tưởng ấy được cô đọng qua tâm trạng, hình tượng và giọng điệu. Tư tưởng nhân nghĩa của tiên sinh hiện lên qua những đêm thao thức vì dân, qua những nỗi đau xót cho dân trước cảnh chiến tranh loạn lạc. Vì vậy, khảo sát tư tưởng nhân nghĩa trong thơ Nguyễn Trãi cần đặt thơ trong mối liên hệ với hoàn cảnh thực tế. Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích văn bản thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi trong bối cảnh lịch sử thời văn Trần, Hồ và Lê sơ. Như vậy giúp làm rõ tư tưởng nhân nghĩa của ông biểu hiện trong *Uc Trai thi tập*.

2. Tư tưởng cốt lõi nhất trong thơ Nguyễn Trãi - tư tưởng nhân nghĩa

2.1. Nguồn tư tưởng nhân nghĩa ở Đại Việt

Đạo đức Nho giáo đề cao Tam cương và Ngũ thường. Ngũ thường gồm năm đức tính cốt lõi là Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín 仁義禮智信, trong đó Nhân, Nghĩa đứng đầu trong Ngũ thường. “Nhân 仁” thường gắn với lòng thương người, khả năng đặt mình trong quan hệ đạo lý với người khác; “Nghĩa 義” gắn với điều phải, lẽ chính đáng và hành động hợp đạo. *Uc Trai* tiên sinh tiếp thu hạt nhân đạo đức ấy trong hoàn cảnh đất nước vừa trải qua chiến tranh xâm lược, nước mất nhà tan và phục quốc. Điểm đặc biệt của tiên sinh là đồng nhất nhân nghĩa với lợi ích của nhân dân. “Yên dân 安民” không chỉ có nghĩa là dân hết loạn, hết đói khổ, hết bị bạo lực áp bức mà nó còn bao hàm lý tưởng để dân được sống trong một

Email: cuonghv@vhu.edu.vn

xã hội thái bình thịnh trị. Vì vậy, trong *Ức Trai thi tập*, nhân nghĩa đi cùng các hình ảnh “thương sinh 蒼生- chúng sinh”, “sinh linh 生靈-người trong một nước”, “lè dân 黎民-dân đen”, “vạn tính 萬姓-muôn dân”, những khái niệm cho thấy nhân dân chính là trung tâm của “trị quốc, bình thiên hạ 治國, 平天下”. (Nguyễn Công Lý, 2014).

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi còn là một lối ứng xử với bạo lực. Ông xác định binh pháp quân sự chỉ là phương tiện để trừ gian, dẹp bạo nhằm xây dựng nền thái bình. Bởi thế, trong bài *Hạ quy Lam Sơn kỳ nhất*, ông viết: “Quyền mưu bản thị dụng trừ gian,/Nhân nghĩa duy trì quốc thế an 權謀本是用除姦, 仁義維持國勢安 (quyền mưu vốn để diệt trừ gian,/nhân nghĩa duy trì thế nước an)”, Ức Trai tiên sinh nhấn mạnh rằng nhân nghĩa mới là nền tảng giữ nước lâu dài, còn quyền mưu chỉ là công cụ nhất thời (Mai Quốc Liên chủ biên, 2001).

2.2. Cội nguồn tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi thể hiện trong Ức Trai thi tập

Cội nguồn thứ nhất của tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là truyền thống Nho giáo mà ông được hấp thụ từ gia đình và học vấn. Nho giáo đề cao Nhân-Nghĩa-Lễ-Trí-Tín (仁義禮智信) được Chu Công khởi xướng và Khổng Tử xiển dương nhằm hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng một xã hội trật tự, hài hòa. Nguyễn Trãi đề cao “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân” là ủng hộ Nho giáo với mục đích “yên dân” làm sao cho nhân dân sống trong cảnh thái bình thịnh trị. Nho giáo thời văn Trần - Hồ đang dần thay thế Phật giáo trở thành ý thức hệ trung tâm của xã hội và tư tưởng Nho giáo nhấn mạnh vai trò của kẻ sĩ trong việc “trị quốc, bình thiên hạ 治國, 平天下”. Tuy nhiên, ở Nguyễn Trãi, Nho giáo không được tiếp nhận như khuôn mẫu cứng nhắc mà được đặt dưới yêu cầu thực tiễn: đề cao giá trị nhân nghĩa trong Nho giáo để thân dân, đoàn kết cộng đồng và xây dựng nên nhà Lê làm sao cho dân được yên, nước được độc lập và luân thường đạo lý được phục hồi sau chiến tranh (Nguyễn Công Lý, 2011; Đào Vũ Vũ, 2015).

Cội nguồn thứ hai bắt đầu từ vị trí địa lý và vai trò lịch sử của Đại Việt. Đại Việt liền kề với Trung Quốc – một trong những cường quốc thế giới mọi thời đại. Vậy nên nước ta từ thuở Kinh Dương Vương mở nước, truyền tới đời Hùng Vương thứ sáu có Thánh Gióng đánh giặc Ân, kế tới Hai Bà Trưng đánh giặc Hán, Ngô Quyền đánh quân Nam Hán, Lê Hoàn và Lý Thường Kiệt đánh quân Tống, nhà Trần chống quân Nguyên – Mông là đã phải chống giữ giặc phương Bắc mạnh hơn gấp nhiều lần nên vua quan triều đình cùng nhân dân thường đoàn kết một lòng mới có thể giữ được nước nhà trước giặc ngoại xâm. Tư tưởng nhân nghĩa và thân dân có lẽ cũng bắt nguồn và được hết sức đề cao từ đó và được ghi chép lại trong chính sử từ khi ông cha ta mượn chữ Hán để sáng tác. Từ việc Thiền sư Pháp Thuận đề cập tới việc đoàn kết nhân dân cả nước cho nền thái bình trời Nam: “Quốc tộ như đằng lạc,/Nam Thiên lý thái bình-國祚如藤絡, 南天裏太平 (Ngôi nước như dây leo quấn quít/Ở góc trời Nam mở ra cảnh thái bình) và cả trách nhiệm của triều đình: “Vô vi cư điện các,/Xử xử tức đao binh 無為居殿閣, 處處息刀兵 (Dùng đường lối vô vi ở nơi cung điện,/Thì khắp mọi nơi đều tắt hết đao binh) trong bài *Quốc Tộ* của Pháp Thuận khi ông trả lời vua Lê Đại Hành về phép trị nước. Cho tới vua Lý Thái Tổ khi quyết định dời đô cũng là nghĩ tới mối lợi to lớn của nhân dân: “thượng cần thiên mệnh, hạ nhân dân chí 上謹天命, 下因民志 (trên vâng mệnh trời, dưới theo ý dân - *Thiên Đô Chiếu*)”. Vào thời Trần thì Trần Nhân Tông được xem là ông vua thân dân nhất nhà Trần khi hai lần tổ chức lấy ý kiến nhân dân là hội nghị Bình Than (平灘會議) và hội nghị Diên Hồng (延鴻會議) để bàn mưu kế, tỏ quyết tâm chống giặc (Đình Gia Khánh chủ biên, 2000; Hoàng Văn Cường, 2026)

Cội nguồn thứ ba đến từ truyền thống gia đình. Ông cố và ông nội là tướng lĩnh cao cấp đời Trần. Ông cố là Nguyễn Công Luật giữ chức Giám quân hành cung Thiên Trường và ông nội là Nguyễn Minh Du giữ chức Quân quân thiết sang lãnh đạo một trong năm đội Cấm quân tại triều đình. Hai vị này đã từng phò giúp Thái úy Trang Định vương Trần Ngạc chống lại Hồ Quý Ly chuyên quyền nhưng thất bại nên bị họ Hồ sát hại, vạ lây cả gia tộc. Trong khi đó hai cha con Nguyễn Trãi lại theo Trần Nguyên Đán, có thái độ ứng xử mềm mỏng hơn nên bảo toàn được cả gia đình. Sau đó, năm 1401, cả hai cha con ông lại làm quan cho nhà Hồ. Như thế có thể thấy rằng Nguyễn Trãi ít nhiều thừa hưởng tính cách quật

cường, khảng khái của bên nội. Ông ngoại Nguyễn Trãi là Chương Túc Quốc Thượng hầu Tư đồ Trần Nguyên Đán, hoàng tộc nhà Trần, ông là cháu bốn đời của Chiêu Minh đại vương Trần Quang Khải. Quan Tư đồ là người tài đức song toàn và là người có công giúp Cung Định vương Tả Tướng quốc Trần Phủ (tức Trần Nghệ Tông) tiêu diệt Dương Nhật Lễ để khôi phục nhà Trần, được phong tước hầu, giữ chức Tư đồ quyền ngang Tể tướng (Nguyễn Công Lý, 2011). Trần Quang Khải trong bài *Tụng giá hoàn kinh sư* (從駕還京師) sau khi nhắc tới những chiến thắng lẫy lừng trước giặc Nguyên - Mông “Đoạt sáo Chương Dương độ, /Cầm Hồ Hàm Tử quan 奪槊章陽渡, 擒胡鹹子關 (Chương Dương cướp giáo giặc, Hàm Tử bắt quân thù)” có nhấn mạnh khi đất nước đã thái bình thì triều đình càng nên gắng sức để giữ gìn giang sơn muôn thuở “*Thái bình đương trí lực, Vạn cổ thử giang san* 太平當致力, /萬古此江山 - (Thái bình nên gắng sức, /non nước ấy ngàn thu)”. Đến ông ngoại Nguyễn Trãi là Trần Nguyên Đán thì tư tưởng nhân nghĩa, lo cho dân càng cụ thể. Ông viết trong bài *Dạ quy chu trung tác*, hình ảnh đời sống của dân được ví như “cá trong vạc nước sôi”, khiến nhà thơ dù đã lên thuyền trở về vẫn trăn trọc không yên: *Vạn quốc dân sinh phí đỉnh ngư* 萬國民生沸鼎魚 (Nhân dân muôn nước như cá trong vạc nước sôi). Lòng thương dân của Nguyễn Phi Khanh - thân phụ Nguyễn Trãi cũng được thể hiện sâu sắc trong bài *Thù Đạo Khê thái học “Xuân hàn” vận*. Trước cảnh mùa xuân giá rét, ông xót xa nhìn những khuôn mặt còng lạnh dưới các mái nhà nghèo và khẳng định rằng muôn dân đều là “đồng bào của ta”: *Lân cừ vạn tính giai ngô dữ, /Thủ ốc thủy gia diện diện hàn* 鄰渠萬姓皆吾與, /此屋誰家面面寒 (Muôn họ nơi chòm xóm đều là đồng bào ta, /Dưới những mái nhà chen chúc của ai kia, khuôn mặt nào cũng rét buốt). Cách nhìn nhân dân như những người cùng chung máu thịt đã làm cho tư tưởng nhân nghĩa vượt khỏi giới hạn của lòng thương hại thông thường, trở thành ý thức gắn bó và đồng cảm giữa người trí thức với cộng đồng. Nhân nghĩa ở Nguyễn Phi Khanh, vì vậy vừa là tình thương đối với những người nghèo khổ, vừa là thái độ tố cáo những kẻ làm tổn hại sinh mạng và cuộc sống của dân.

Cội nguồn thứ tư là tiên sinh đã trải nghiệm lịch sử đau thương đầu thế kỷ XV của Đại Việt. Ông sống qua biến động nhà Hồ, nạn Minh thuộc, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và những đấu đá chính trị khốc liệt thời Lê sơ. Chính trải nghiệm ấy làm cho nhân nghĩa trong thơ ông thành kết tinh của nước mắt, máu lửa và trách nhiệm. Trong bài *Loạn hậu cảm tác* tiên sinh đã bày tỏ nỗi xót thương: “*Thần châu nhất tự khởi can qua, /vạn tính ngao ngao khả nại hà* - 神州一自起干戈, 萬姓嗷嗷可奈何 (Đất Thần châu từ khi có loạn lạc, /Muôn dân xao xác không biết làm thế nào)”, đó là tiếng nói của người từng chứng kiến dân chúng bị đẩy vào thảm họa chiến tranh (Viện Sử học, 1976).

Cội nguồn thứ năm là lý tưởng nhập thế của nhà nho vĩ đại nhất Đại Việt cùng nỗi giằng xé “xuất”, “xử”. Tiên sinh có tài thơ xuất chúng, khi ngao du sơn thủy, tức cảnh sinh tình có thể “hạ bút thành thơ” lẽ dĩ nhiên là tiên sinh rất “ưa nhân” nhưng thơ ông cho ta thấy ông không thể an nhiên khi dân còn khổ và nước còn cần phải lo, chính vì bậc “thức tự - hay chữ” thì phải lo gánh vác sơn hà như ông từng than: “*Nhân sinh thức tự đa ưu hoạn, /Pha lão tăng vân ngã diệc vân* 人生識字多憂患, 坡老曾云我亦云 (Con người sinh ra biết chữ nghĩa thường gặp nhiều nạn phải lo lắng, /Ông già Tô Đông Pha từng nói thế, ta nay cũng nói thế - *Mạn hứng kỳ 1*)”. Mâu thuẫn giữa xuất và xử làm nên vẻ đẹp nhân cách Úc Trai và điều đó càng chứng minh ông là nhà nho vĩ đại.

Từ các cội nguồn trên có thể nói tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là sự hội tụ của Nho giáo, truyền thống Đại Việt, gia phong Nguyễn - Trần và thực tiễn kháng Minh. Chính sự hội tụ ấy khiến nhân nghĩa trong thơ ông vừa có tính kinh điển vừa có tính dân tộc, vừa có chiều sâu đạo đức vừa có sức mạnh chính trị, nó là nền tảng để Nguyễn Trãi phê phán bạo lực, khẳng định chính nghĩa và xây dựng một hình tượng thi nhân luôn hướng về nhân dân (Nguyễn Công Lý, 2014).

2.3. Biểu hiện của tư tưởng nhân nghĩa trong thơ chữ Hán Nguyễn Trãi

Biểu hiện nổi bật nhất của tư tưởng nhân nghĩa trong thơ Nguyễn Trãi là lấy dân làm gốc. Trong *Quan Hải* ông viết: “*Phúc chu thủy tín dân do thủy, /thị hiểm nan bằng mệnh tại thiên* - 覆舟始信民猶水, 恃險難憑命在天 (Thuyền bị lật mới tin câu nói “dân như nước”/Cây hiểm thì khó dựa, vì có mệnh nơi trời)”. Bằng cách đặt sự thất bại của nhà Hồ trong tương quan với lòng dân, ông nhấn mạnh rằng mọi

quyền lực chính trị nếu xa dân, không yên dân, không thuận dân thì cuối cùng khó bền vững. Trong *Hạ quy Lam Sơn kỳ nghị*, ông nhấn mạnh: “*Ức tích Lam Sơn ngoại võ kinh, /Đương thời chí dĩ tại thương sinh - 憶昔藍山玩武經, 當時志已在蒼生* (Nhớ khi xưa ở Lam Sơn đọc sách binh pháp, /Bấy giờ chí (của nhà vua) đã hướng về dân đen)”. Đọc võ kinh - tức binh pháp, là để giải phóng đất nước, đem lại hòa bình cho thương sinh - dân lành.

Biểu hiện thứ hai là ý thức “tiên ưu” - lo trước thiên hạ. Bởi Ưc Trai tiên sinh lúc nào cũng ôm niềm “*tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc* 先天下之憂而憂, 後天下之樂而樂 (Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ)” giống như danh nho Phạm Trọng Yêm thời nhà Tống bên Trung Quốc nên trong nhiều bài thơ tiên sinh có nhắc tới câu trên. Như trong bài *Hải khẩu dạ bạc hữu cảm*, tiên sinh trăn trọc không ngủ vì lo cho nhân dân: “*Bình sinh độc bão tiên ưu niệm, /tọa ủng hàn khâm dạ bất miên - 平生獨抱先憂念, 坐擁寒衾夜不眠* (Suốt đời riêng ôm cái chí “lo trước thiên hạ”, /ngồi khoác mảnh chăn lạnh thâu đêm không ngủ)”. Dù tiên sinh đang sống trong cảnh nghèo khó thì nỗi niềm canh cánh của Nguyễn Trãi kể trên cũng chẳng hề nguôi ngoai: “*Ái ốc thể thân kham độ lão, /thương sinh tại niệm độc tiên ưu - 矮屋棲身堪度老, 蒼生在念獨先憂* (Nương thân dưới mái nhà lụp xụp có thể qua tuổi già, /lòng luôn nghĩ đến dân đen, một mình lo trước thiên hạ - *Mạn hứng kỳ tam*)” (Hoàng Văn Cường, 2026).

Biểu hiện thứ ba là quan niệm nhân nghĩa gắn với văn trị. Trong *Quan duyệt thủy trận*, Nguyễn Trãi thừa nhận cần luyện binh để phòng xa nhưng ông kết luận “*Thánh tâm dục dĩ dân hưu tức, /Văn trị chung tu trí thái bình* 文治終須致太平, /聖心欲與民休息 - Lòng Thánh muốn cùng dân nghỉ ngơi, /Rốt cuộc nên xây dựng thái bình bằng văn trị”. Hoặc trong *Hạ quy Lam sơn kỳ nghị* ông cũng viết câu cuối để nói mục đích sau cùng của khởi nghĩa “*Nhất nhung đại định hà thần tốc, /Giáp tẩy cung nang lạc thái bình* 一戎大定何神速, /甲洗弓囊樂太平 (Một cuộc dựng binh dẹp yên sao thần tốc, rửa áo giáp, cất cung vào túi, vui hưởng thái bình)” là hình ảnh vũ khí được cất đi, thiên hạ vui hưởng thái bình.

Biểu hiện thứ tư là sự tự vấn của kẻ sĩ về công lao chưa trọn. Trong bài *Mạn hứng kỳ nhất*, hình ảnh “không làm được trận mưa ở Thương Nham” gợi cảm giác bất lực của kẻ sĩ trước thời thế. “Mưa” ở đây là ẩn dụ của ân trạch, của khả năng làm mát và nuôi dưỡng muôn dân. Khi tự trách mình chưa đem được mưa lành cho đời, Nguyễn Trãi đã biến nhân nghĩa thành chuẩn mực tự phê bình của nhà Nho: “*Phùng thời bất tác Thương Nham vũ, /Thối lão tư canh Cốc Khẩu vân - 逢時不作商岩雨, /退老思耕谷口雲* (Lúc gặp thời, không làm được trận mưa ở Thương Nham, /Khi già lui về, nghĩ đến việc cày mây Cốc Khẩu”. (Nguyễn Công Lý, 2011)

Biểu hiện thứ năm là khả năng dùng điển cố để mở rộng chiều sâu nhân nghĩa. Khi nhắc Tử Mỹ, Bá Nhân, Trọng Ni, Mạnh Tử, tiên sinh không phải muốn phô diễn học vấn Hán học uyên bác mà tìm những khuôn mặt lịch sử có thể soi chiếu nỗi lòng chính mình. Thi thánh Đỗ Phủ là biểu tượng của nỗi đau thời loạn; Bá Nhân gợi bi cảm trước biến động chính trị: “*Tử Mỹ cô trung Đường nhật nguyệt, /Bá Nhân song lệ Tấn sơn hà - 子美孤忠唐日月, 伯仁雙淚晉山河* (Tử Mỹ một lòng giữ tấm cô trung với ngày tháng nhà Đường, /Bá Nhân ứa hai dòng lệ buồn khóc non sông nhà Đông Tấn - *Loạn hậu cảm tác*)”. Nhắc tới Khổng Tử và Mạnh Tử là gợi trách nhiệm của tư vấn - dùng đạo đức và văn trị để giúp đời giúp người và xiển dương đạo Thánh hiền: “*Trọng Ni Tam nguyệt vô quân niệm, /Mạnh Tử cô thần lự hoạn tâm - 仲尼三月無君念, 孟子孤臣慮患心* (Mang nỗi niềm “ba tháng không vua” của Trọng Ni, /Cố tấm lòng “cô thần lo hoạn nạn” của Mạnh Tử - *Mạn thành kỳ nhất*)”. Trong thơ mình tiên sinh nhiều lần dùng từ “tư vấn” của Khổng Tử cho thấy tầm vóc của ông với tiền đồ dân tộc thật là lớn lao xưa nay chưa từng có, ông xứng đáng là bậc Thầy giáo cao quý muôn đời của nước Việt ta: “*Thiên địa tư văn tòng cổ trọng, /Hồ sơn thanh húng nhập thu cao - 天地斯文從古重, 湖山清興入秋高* (Nền tư vấn trong trời đất, từ xưa vốn trọng, /húng thanh nhã đối với núi hồ, vào thu càng cao - Thu nhật ngẫu thành)”; hoặc trong bài *Oan thán* ông cũng viết: “*Số hữu nan đào tri thị mệnh, /Văn như vị táng dã quan thiên - 數有難逃知是命, 文如未喪也關天* (Số khó tránh được, biết là do mệnh, /Văn ấy nếu như chưa mất, cũng bởi trời)”. Nhờ điển cố, cảm hứng nhân nghĩa trong thơ ông vừa có tính cá nhân vừa có chiều sâu văn hóa Đông Á (Hoàng Văn Cường, 2026).

2.4. Giá trị nghệ thuật của việc biểu đạt tư tưởng nhân nghĩa

Về nghệ thuật, tư tưởng nhân nghĩa trong thơ Nguyễn Trãi trước hết được biểu đạt bằng giọng điệu đa thanh. Có khi giọng thơ hùng tráng, khẳng định chính nghĩa của cuộc kháng Minh: “Quốc thù tấy tận thiên niên sử,/ Kim quỹ chung tàng vạn thế công 國讎洗盡千年恥, 金匱終藏萬世功 (Đã rửa sạch nỗi nhục ngàn năm của thù nước, Cuối cùng đã cất giữ cái công muôn thuở trong rương vàng - Để kiểm)”; có khi trầm uất trước cảnh dân khổ “vạn tính ngao ngao”; có khi tự trách vì chưa làm được nhiều cho đời; có khi thanh thản trong ước vọng dân giàu đủ. Sự đa dạng giọng điệu ấy làm cho nhân nghĩa không khô cứng mà có đời sống cảm xúc phong phú.

Các hình tượng được sử dụng trong *Ức Trai thi tập* cũng góp phần quan trọng vào việc thẩm mỹ hóa tư tưởng nhân nghĩa “Dân – Thủy 水 - Nước, Vua - thuyền 船, mưa 雨 - làm lợi cho dân, tiếng đàn Ngu cầm – văn trị, chăn lạnh – đêm dài – thao thức năm canh lo cho dân cho nước, núi sông – 山河 - sơn hà đều cho thấy trách nhiệm xã hội của bậc đại nho. Ví dụ như hình ảnh thuyền - nước trong *Quan Hải* làm nổi bật sức mạnh của dân; hình ảnh “Thương Nham vũ” - mưa Thương Nham trong *Mạn hứng kỳ nhất* biểu thị ước vọng cứu đời của tiên sinh.

2.5. Ý nghĩa lịch sử

Trong lịch sử tư tưởng Đại Việt, Nguyễn Trãi đã góp phần đưa nhân nghĩa từ phạm trù đạo đức Nho giáo thành nguyên lý chính trị quốc gia. Trong *Bình Ngô đại cáo* ông đã khẳng định “*Dĩ đại nghĩa nhi thắng hung tàn, dĩ chí nhân nhi dị cường bạo* 以大義而勝兇殘, 以至仁而易彊暴 (Đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo)”. Đây là lý do tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi vẫn được xem là một đỉnh cao của tư tưởng yêu nước và nhân văn Đại Việt. Khi đặt các bài thơ chữ Hán Nguyễn Trãi bên cạnh *Bình Ngô đại cáo*, *Quân trung từ mệnh tập* và *Quốc âm thi tập*, người học thấy được một hệ tư tưởng nhân nghĩa nhất quán: chống xâm lược là để cứu dân, trị nước là để yên dân, học đạo thánh hiền là để không phụ lòng dân (Nguyễn Công Lý, 2014; Trần Nho Thìn, 2016).

Nguyễn Trãi đã tiếp nối mạch nhân nghĩa, thân dân của thời Lý - Trần - Hồ nhưng đồng thời tạo một bước phát triển mới: nhân nghĩa không chỉ là lời khuyên đạo trị nước mà trở thành tiêu chuẩn phán xét lịch sử. Ông nhìn sự thành bại của nhà Hồ, cuộc kháng Minh và sự nghiệp Lam Sơn qua thước đo lòng dân; cách nhìn đó khiến thơ ông có chiều sâu phản tỉnh, không rơi vào ca ngợi chiến thắng một chiều. Đồng thời, tư tưởng nhân nghĩa còn gợi ra mẫu hình trí thức có trách nhiệm. Nguyễn Trãi tự đặt học vấn, thơ ca và công danh dưới câu hỏi về ích lợi cho đời. Đó là điểm khiến mỗi bài thơ trong *Ức Trai thi tập* đều như một lời nhắc rằng kẻ sĩ chỉ hoàn thành nhiệm vụ khi góp phần lo cho sự sống của muôn dân.

3. Kết luận

Cội nguồn tư tưởng nhân nghĩa trong *Ức Trai thi tập* được hình thành từ: Nho giáo với Tam cương – Ngũ thường mà Nhân Nghĩa đứng đầu trong Ngũ thường, truyền thống đánh giặc giữ nước của Đại Việt từ thuở mở nước, đại gia tộc Nguyễn với trung nghĩa - quật cường - khẳng khái và đại gia tộc Trần với thân dân - nhân nghĩa - tài hoa mà gần nhất là ông ngoại Trần Nguyên Đán và thân phụ Nguyễn Phi Khanh của tiên sinh đều là những bậc danh nho với tư tưởng thân dân – nhân nghĩa nổi bật, tiên sinh trải qua thực tế lịch sử nhiều biến động từ nhà Trần suy vi, nhà Hồ cải cách táo bạo nhưng không được lòng dân mà mất nước, sống trong cảnh nước mất nhà tan muôn dân cơ cực dưới ách thống trị tàn bạo của giặc Minh suốt hai mươi năm trời, cuộc kháng chiến chống Minh thắng lợi, hòa bình lập lại nhưng các lý tưởng “*vua Nghiêu Thuấn, dân Nghiêu Thuấn* – *Tự Thán bài 4*” của ông không thể thực hiện. Vậy nên có thể thấy rằng tư tưởng nhân nghĩa trong *Ức Trai thi tập* vừa là đạo lý vừa là hành động, vừa là tâm trạng vừa là lý tưởng chính trị.

Có thể thấy rằng *Ức Trai* tiên sinh đã tạo nên một thế giới thơ trong đó dân là điểm tựa của nhân nghĩa, Tổ quốc là không gian sống của trăm họ, trách nhiệm của kẻ sĩ là “*tiên ưu, hậu lạc*” trong *Ức Trai thi tập*. Từ “*Nhân nghĩa duy trì quốc thế an*”, “*thương sinh tại niệm*” đến “*văn trị chung tu trí thái bình*”, tư tưởng nhân nghĩa của tiên sinh hiện lên như cốt lõi bền vững của văn học yêu nước và nhân văn Đại Việt.

Tài liệu tham khảo

- Đào Vũ Vũ (2015). Tư tưởng trọng Nho giáo của Hồ Quý Ly và Nguyễn Trãi. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 12 (97).
- Đinh Gia Khánh (tổng chủ biên, 2000). *Tổng tập văn học Việt Nam* (tập 1-4). NXB Khoa học xã hội.
- Đinh Quỳnh Hoa (2015). *Nguyễn Trãi - anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa (1380-1442)*. <https://baotanglichsu.vn/vi/Articles/3098/18122/nguyen-trai-anh-hung-dan-toc-danh-nhan-van-hoa-1380-1442.html>, ngày 19/5/2015.
- Hoàng Văn Cường (2026). Tư tưởng thân dân trong thơ Nguyễn Trãi: cội nguồn và biểu hiện. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, số đặc biệt tháng 5, tr. 64-68, 126.
- Mai Quốc Liên (chủ biên, 2001). *Nguyễn Trãi toàn tập tân biên*. Trung tâm Nghiên cứu Quốc học - NXB Văn học.
- Nguyễn Công Lý (2011). Danh nhân Nguyễn Trãi: sự hội tụ những tinh hoa của văn hóa Thăng Long thời Lý - Trần. *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (104), tr. 3-16.
- Nguyễn Công Lý (2014). Nghi thêm về Việt Nho. *Tạp chí Hán Nôm*, số 5 (120), tr. 3-13.
- Trần Nho Thìn (2016). *Tư tưởng thân dân của Nguyễn Trãi*. <https://daibieunhandan.vn/tu-tuong-than-dan-cua-nguyen-trai-10185344.html>, ngày 20/05/2016.
- Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Văn học (1977). *Thơ văn Lý - Trần*. NXB Khoa học xã hội.
- Viện Sử học (1976). *Nguyễn Trãi toàn tập*. NXB Khoa học xã hội.

TRUYỀN GIÁO TIN LÀNH CHO NGƯỜI NGHIỆN MA TÚY...

Tiếp theo trang 171

5. Kết luận

Từ phân tích trên, có thể thấy Trung tâm Aquila là một mô hình truyền giáo thông qua việc phục hồi đời sống cho người nghiện ma túy. Truyền giáo ở đây không chỉ có nghĩa là truyền đạt giáo lý mà còn là kiến tạo một môi trường trong đó người nghiện được sống thử, học thử và trải nghiệm thử đời sống Tin Lành trước khi xác quyết đức tin của mình. Học viên đến với Aquila để cai nghiện nhưng thời gian ở đây họ được đưa vào một hệ thống thực hành: Học Kinh Thánh cung cấp ngôn ngữ và thế giới quan Tin Lành; cầu nguyện tạo trải nghiệm quan hệ cá nhân với Chúa; thờ phượng và bồi linh tạo cảm xúc tập thể và sự hiện diện của cộng đồng; làm chứng cung cấp hình mẫu phục hồi và bằng chứng sống. Nghiên cứu này góp phần mở rộng khái niệm truyền giáo. Trong nhiều diễn ngôn ở Việt Nam, truyền giáo thường bị hiểu là hoạt động lôi kéo, dụ dỗ hoặc tăng số lượng tín đồ. Trường hợp Aquila cho thấy một hình thức phức tạp hơn: truyền giáo thông qua việc đáp ứng nhu cầu xã hội, chăm sóc người yếu thế và tạo dựng một môi trường phục hồi. Tuy nhiên, cũng đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, như mức độ tự nguyện của cải đạo trong môi trường cai nghiện khép kín; ranh giới giữa hỗ trợ xã hội và truyền giáo; và khả năng duy trì đời sống mới sau khi học viên rời khỏi cộng đồng tôn giáo của Trung tâm.

Tài liệu tham khảo

- Chung Van Hoang (2017). Evangelizing post-Doi Moi Vietnam: The rise of Protestantism and the state's response. *ISEAS Perspective*, 34, 1-8.
- Đào Duy Anh (1998). *Việt Nam văn hóa sử cương*. NXB Đồng Tháp.
- Hoàng Văn Chung & Trần Thị Phương Anh (2023). Remaking life: Christian approach to drug addiction in contemporary Vietnam. *Східний світ*, (1), 143-154.
- Jory, F. A. (2019). *Substance abuse rehabilitation through faith-based ministry: Evaluation of Vietnamese Christian restoration ministry (VCRM) with Bandura's social learning theory* (Doctoral dissertation). Dallas Theological Seminary.
- Luhmann, T. (2012). *When God talks back: Understanding American evangelical relationship with God*. Knopf.
- Mikeshin, I. (2014). How Jesus changes lives: Christian rehabilitation in the Russian Baptist ministry. *Suomen Antropologi: Journal of the Finnish Anthropological Society*, 39(4), 28-39.
- Nguyễn Quang Hưng (2015). Bàn thêm về nguyên nhân theo Tin Lành của một bộ phận người Hmông. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, 6(144), 19-37.
- Stark, R., & Finke, R. (2000). *Acts of faith: Explaining the human side of religion*. University of California Press.
- Trần Thị Phương Anh (2020). Hoạt động hỗ trợ cai nghiện ma túy của đạo Tin Lành tại Trung tâm Giải cứu Aquila. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, 9, 51-81.
- Williamson, W. P., & Hood, R. W., Jr. (2016). *Psychology and spiritual transformation in a substance abuse program: The Lazarus Project*. Lexington Books.
- Yang, F. (2005). Lost in the market, saved at McDonald's: Conversion to Christianity in urban China. *Journal for the Scientific Study of Religion*, 44(4), 423-441.